

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chính sách, biện pháp tổ chức thực hiện
nền hành chính số và công vụ số trên địa bàn thành phố Hà Nội**
(Thực hiện điểm a khoản 2 Điều 7 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 24 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Luật Chuyển đổi số ngày 11 tháng 12 năm 2025;
Căn cứ Luật Thủ đô ngày 23 tháng 4 năm 2026;
Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 6 năm 2023;
Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 10 tháng 12 năm 2025;
Căn cứ Luật Lưu trữ ngày 27 tháng 11 năm 2024;
Căn cứ Luật Dữ liệu ngày 30 tháng 11 năm 2024;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 4673/TTr-SNV ngày 25 tháng 6 năm 2026;

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Quy định chính sách, biện pháp tổ chức thực hiện nền hành chính số và công vụ số trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chính sách, biện pháp tổ chức thực hiện nền hành chính số và công vụ số trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng 7 năm 2026.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc các Sở, ban, ngành Thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường; các tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đ/c Bí thư Thành ủy;
- Các Bộ: Nội vụ, KH và CN;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Thường trực: Thành ủy, HĐND Thành phố;
- UBMTTQ Việt Nam TP Hà Nội;
- Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Ban: Pháp chế, VHXX-HĐND Thành phố;
- Các Sở và cơ quan tương đương Sở;
- UBND các xã, phường;
- Công TTĐT Chính phủ;
- VPUB: các PCVP, các Phòng CM;
Trung tâm TT, DL và CNS Hà Nội;
- Lưu: VT, NC Ngân.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Đức Tuấn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Chính sách, biện pháp tổ chức thực hiện
nền hành chính số và công vụ số trên địa bàn thành phố Hà Nội**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2026 của UBND thành phố Hà Nội)

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nguyên tắc và một số chính sách, biện pháp, thẩm quyền, trách nhiệm tổ chức thực hiện nền hành chính số và công vụ số trong các cơ quan hành chính nhà nước thuộc thành phố Hà Nội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành thuộc Thành phố.
2. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Thành phố.
3. Ủy ban nhân dân các xã, phường thuộc thành phố Hà Nội.
4. Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc trong các cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này.
5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức thực hiện nền hành chính số và công vụ số của Thành phố.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. Nền hành chính số thành phố Hà Nội là nền hành chính nhà nước của Thành phố được tổ chức và vận hành trên môi trường số, trong đó các hoạt động quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công được thực hiện dựa trên dữ liệu số, nền tảng số và công nghệ số.
2. Công vụ số là hoạt động của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan, đơn vị Thành phố được thực hiện trên môi trường số, ứng dụng công nghệ số, dữ liệu số và nền tảng số trong thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.
3. Số hóa toàn trình là quá trình chuyển đổi toàn bộ thông tin đang được thể hiện trên giấy trong thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết công việc hành chính của các cá nhân và tổ chức sang dữ liệu điện tử.

Điều 4. Nguyên tắc tổ chức thực hiện nền hành chính số và công vụ số

1. Phù hợp với Hiến pháp, Luật, Nghị quyết của Quốc hội về chiến lược, chương trình quốc gia về nền hành chính số, công vụ số; bảo đảm thống nhất, đồng bộ, liên thông trong toàn hệ thống chính quyền Thành phố.

2. Người dân và doanh nghiệp là trung tâm phục vụ; dữ liệu số là nền tảng cho hoạt động quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công.

3. Ưu tiên sử dụng hạ tầng số, nền tảng số và dữ liệu dùng chung, không đầu tư trùng lặp, phân tán; đảm bảo khả năng kết nối, tích hợp Khung kiến trúc số Thành phố đối với các hệ thống thông tin triển khai mới hoặc nâng cấp.

4. Số hóa toàn trình; không thực hiện giao dịch văn bản giấy đối với quy trình giải quyết công việc hành chính đã đủ điều kiện triển khai trên môi trường số, trừ nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước hoặc pháp luật có quy định khác.

5. Bảo đảm an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu và quyền riêng tư theo quy định của pháp luật; khuyến khích áp dụng các biện pháp tiên tiến để nâng cao mức độ an toàn.

6. Sử dụng kết quả tổ chức thực hiện nền hành chính số, công vụ số để đánh giá trách nhiệm người đứng đầu; mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức và tổ chức, cá nhân liên quan.

7. Khuyến khích ứng dụng các công nghệ số tiên tiến, trí tuệ nhân tạo và phân tích dữ liệu trong nền hành chính số, công vụ số.

8. Nền hành chính số, công vụ số phải bảo đảm khả năng tiếp cận thuận lợi đối với người dân, doanh nghiệp; ưu tiên hỗ trợ người cao tuổi, người khuyết tật và người yếu thế.

CHƯƠNG II

CHÍNH SÁCH VỀ NỀN HÀNH CHÍNH SỐ

Điều 5. Phát triển và quản lý hạ tầng số

1. Thành phố đầu tư, phát triển hạ tầng số đồng bộ, hiện đại để vận hành nền hành chính số.

a) Hạ tầng mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Nhà nước trên địa bàn Thành phố, bảo đảm kết nối liên thông từ Thành phố đến cấp xã; kết nối liên thông với Trung ương.

b) Cơ sở dữ liệu Thành phố và nền tảng điện toán đám mây phục vụ hoạt động nền hành chính số bảo đảm khả năng dự phòng và phục hồi liên tục;

c) Hạ tầng số tích hợp, chia sẻ dữ liệu phục vụ kết nối giữa các hệ thống thông tin cơ quan nhà nước.

d) Hạ tầng số cung cấp dịch vụ công trực tuyến, vận hành các nền tảng số dùng chung Thành phố.

2. Thành phố ưu tiên bố trí ngân sách và huy động các nguồn lực hợp pháp để phát triển và quản lý hạ tầng số; hợp tác công - tư, thuê dịch vụ công nghệ thông tin, huy động tài trợ, hỗ trợ từ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp công nghệ theo quy định của pháp luật và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố.

Điều 6. Dữ liệu số trong hoạt động của cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố

1. Thành phố có chính sách huy động mọi nguồn lực để làm giàu dữ liệu số, phát triển dữ liệu số trở thành tài sản số; ưu tiên xây dựng, phát triển dữ liệu số trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố, phục vụ chuyển đổi số và phát triển kinh tế số gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2. Đầu tư xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu Thành phố đáp ứng yêu cầu xây dựng nền hành chính số.

3. Khuyến khích, tạo điều kiện để cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước đầu tư, nghiên cứu, phát triển công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, đổi mới sáng tạo, ứng dụng dữ liệu số trong hoạt động cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố.

Điều 7. Hoạt động của cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố

1. Tiếp nhận, xử lý, phát hành và lưu trữ văn bản, hồ sơ công việc bằng hình thức văn bản điện tử theo quy định của pháp luật.

2. Số hóa quy trình nội bộ, quy trình liên thông và quy trình giải quyết thủ tục hành chính; tái cấu trúc quy trình trước khi số hóa; không số hóa quy trình chưa bảo đảm điều kiện theo quy định.

3. Tổ chức họp, hội nghị, giao ban ưu tiên theo phương thức số; giảm tối đa hội nghị trực tiếp không cần thiết và việc sử dụng giấy tờ.

4. Thực hiện báo cáo điện tử qua Hệ thống thông tin dùng chung của Thành phố, trừ trường hợp quy định khác.

5. Công khai lịch công tác của lãnh đạo cơ quan, đơn vị trên hệ thống số và cập nhật thường xuyên.

6. Tiếp nhận, phân loại và xử lý 100% các phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp trên các hệ thống số, bảo đảm quy trình tương tác số được thực hiện công khai, minh bạch và đúng thời hạn quy định

Điều 8. Giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công

1. Các thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật phải được cung cấp dưới dạng dịch vụ công trực tuyến toàn trình; kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa, có giá trị pháp lý theo quy định và được lưu trữ, tái sử dụng trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.

2. Việc giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công được thực hiện trên cơ sở khai thác, sử dụng dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu dùng chung và các hệ thống thông tin theo quy định; không yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp lại thông tin, dữ liệu mà cơ quan nhà nước đã có hoặc có thể khai thác được theo quy định của pháp luật.

3. Dịch vụ công được cung cấp theo nhu cầu của tổ chức, cá nhân; bảo đảm thuận tiện, minh bạch, liên thông.

Điều 9. Ứng dụng công nghệ số tiên tiến trong hoạt động quản lý nhà nước

1. Thành phố khuyến khích và tổ chức triển khai ứng dụng các công nghệ số tiên tiến, bao gồm trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu và tự động hóa quy trình vào hoạt động quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công phù hợp với điều kiện thực tiễn và quy định của pháp luật.

2. Việc ứng dụng công nghệ số tiên tiến phải bảo đảm: con người giữ vai trò quyết định và chịu trách nhiệm cuối cùng; minh bạch và có khả năng giải trình; tuân thủ quy định về quản lý dữ liệu, bảo vệ thông tin và an toàn thông tin; không xử lý thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước khi chưa đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy định cụ thể về các lĩnh vực ưu tiên, điều kiện triển khai và cơ chế quản lý, giám sát việc ứng dụng công nghệ số tiên tiến trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

CHƯƠNG III

CHÍNH SÁCH VỀ CÔNG VỤ SỐ

Điều 10. Thực thi công vụ trên môi trường số

1. Các nội dung giao việc, xử lý công việc, theo dõi tiến độ và trao đổi thông tin được thực hiện thông qua các hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước, bảo đảm minh bạch và truy xuất được quá trình xử lý.

2. Hồ sơ, kết quả xử lý công việc được tạo lập, xử lý và lưu trữ trên môi trường số theo quy định là căn cứ chính thức để theo dõi, kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị và cá nhân.

Điều 11. Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ

1. Các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố sử dụng dữ liệu từ các hệ thống số để theo dõi, đánh giá tiến độ, chất lượng và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người thực hiện chế độ lao động hợp đồng.

2. Thành phố từng bước xây dựng công cụ phân tích dữ liệu phục vụ quản trị công vụ và hỗ trợ hoạt động chỉ đạo, điều hành của chính quyền Thành phố.

Điều 12. Nâng cao năng lực số của cán bộ, công chức, viên chức và người thực hiện chế độ lao động hợp đồng

1. Cán bộ, công chức, viên chức và người thực hiện chế độ lao động hợp đồng có nghĩa vụ học tập, nâng cao năng lực số; sử dụng thành thạo các hệ thống số và nền tảng số dùng chung theo yêu cầu của vị trí việc làm.

2. Năng lực số được đánh giá theo Khung năng lực số do cơ quan có thẩm quyền quy định; gắn với tiêu chí đánh giá, xếp loại hằng năm theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.

3. Thành phố có chính sách đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực số cho cán bộ, công chức, viên chức và người thực hiện chế độ lao động hợp đồng; ưu tiên các vị trí trực tiếp liên quan đến chuyển đổi số, quản lý dữ liệu và vận hành hệ thống số.

Điều 13. Thu hút, trọng dụng chuyên gia, nhà khoa học

1. Thành phố có chính sách thu hút, trọng dụng các chuyên gia, nhà khoa học có trình độ, năng lực cao trong các lĩnh vực: khoa học dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, an toàn thông tin, công nghệ điện toán đám mây, phân tích dữ liệu lớn và các lĩnh vực công nghệ số khác phục vụ xây dựng nền hành chính số và công vụ số.

2. Thành phố áp dụng các hình thức thu hút linh hoạt, bao gồm: hợp đồng tư vấn, hợp tác nghiên cứu có thời hạn; mời tham gia Hội đồng chuyên gia kỹ thuật số của Thành phố; ký kết hợp tác với cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu, doanh nghiệp công nghệ trong nước và quốc tế để điều phối chuyên gia tham gia nghiên cứu, xây dựng và triển khai hệ thống thông tin.

3. Cơ chế thù lao, phụ cấp đặc thù đối với chuyên gia được áp dụng theo quy định của pháp luật và chính sách thu hút nhân tài của Thành phố. Ưu tiên áp dụng cơ chế khoán chi trọn gói theo sản phẩm công nghệ đầu ra hoặc hiệu quả ứng dụng thực tế của giải pháp công nghệ vào nền hành chính.

4. Chuyên gia được thu hút tham gia vào một hoặc nhiều nhiệm vụ sau: tư vấn, phản biện độc lập đối với các dự án hạ tầng số, nền tảng số và hệ thống thông tin lớn; nghiên cứu, đề xuất giải pháp ứng dụng trí tuệ nhân tạo và công nghệ số mới vào hoạt

động quản lý nhà nước; hỗ trợ đào tạo, chuyển giao kỹ năng cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; tham gia thử nghiệm, đánh giá giải pháp công nghệ trong khuôn khổ cơ chế thử nghiệm theo quy định của Luật Thủ đô và pháp luật liên quan.

CHƯƠNG IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì tham mưu xây dựng, trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành hoặc phê duyệt kiến trúc chính quyền số, các tiêu chuẩn, quy chuẩn, yêu cầu kỹ thuật về hạ tầng số, nền tảng số, dữ liệu số và hệ thống thông tin của Thành phố.

b) Chủ trì quản lý, phát triển hạ tầng số, nền tảng số dùng chung, hệ thống thông tin dùng chung của Thành phố; hướng dẫn, điều phối việc kết nối, tích hợp, liên thông và chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính quyền Thành phố.

c) Chủ trì hướng dẫn, kiểm tra việc kết nối, tích hợp hệ thống thông tin; rà soát, đề xuất phương án hợp nhất, nâng cấp hoặc chấm dứt các hệ thống thông tin trùng lặp, phân tán, hoạt động không hiệu quả.

d) Chủ trì tham mưu quy định về ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý nhà nước; nghiên cứu, hướng dẫn, thúc đẩy ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và các công nghệ số mới trong hoạt động của các cơ quan nhà nước thuộc Thành phố; xác định nhu cầu chuyên môn kỹ thuật, tiêu chuẩn chuyên gia công nghệ số phục vụ các nhiệm vụ chuyển đổi số, quản trị dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo của Thành phố.

đ) Phối hợp với Sở Nội vụ tổ chức đánh giá, chứng nhận năng lực số cho cán bộ, công chức, viên chức theo Khung năng lực số do cơ quan có thẩm quyền quy định.

e) Chủ trì hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai các nhiệm vụ về hạ tầng số, nền tảng số, dữ liệu số, hệ thống thông tin và ứng dụng công nghệ số; định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

g) Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng cho hạ tầng số, nền tảng số và hệ thống thông tin của Thành phố theo quy định của pháp luật.

h) Chủ trì tham mưu cơ chế tài chính phù hợp với đặc thù của các nhiệm vụ chuyển đổi số, bao gồm thuê dịch vụ công nghệ thông tin, hợp tác công - tư và các hình thức huy động nguồn lực hợp pháp khác.

2. Văn phòng UBND Thành phố

Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu từ các hệ thống thông tin chuyên ngành vào Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh (IOC) của Thành phố phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo Thành phố.

3. Sở Nội vụ

a) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ nghiên cứu, đề xuất việc ứng dụng dữ liệu số trong công tác đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức theo quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng tiêu chí, hướng dẫn đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của cán

bộ, công chức, viên chức trên cơ sở dữ liệu số và các thông tin được hình thành trong quá trình thực thi công vụ.

c) Chủ trì xây dựng, trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành và triển khai tổ chức thực hiện chính sách công vụ số.

d) Chủ trì tham mưu chính sách thu hút, trọng dụng và đãi ngộ nhân tài, chuyên gia, nhân lực chất lượng cao theo quy định của pháp luật và thẩm quyền của Thành phố.

đ) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức triển khai, áp dụng Khung năng lực số cho cán bộ, công chức, viên chức do cơ quan có thẩm quyền quy định; đồng thời tổ chức đánh giá, xác nhận đạt chuẩn năng lực số hằng năm và sử dụng kết quả này làm căn cứ bình xét thi đua, khen thưởng, xếp loại hoàn thành nhiệm vụ và đánh giá kết quả cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị.

e) Chủ trì, phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng, trình Thành phố lộ trình hình thành đội ngũ cán bộ chuyên trách chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố.

4. Sở Tài chính

a) Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí dự toán ngân sách hằng năm để triển khai các nhiệm vụ về nền hành chính số và công vụ số theo quy định của pháp luật.

b) Phối hợp tham mưu cơ chế tài chính phù hợp với đặc thù của các nhiệm vụ chuyển đổi số, bao gồm thuê dịch vụ công nghệ thông tin, hợp tác công - tư và các hình thức huy động nguồn lực hợp pháp khác.

5. Các sở, ban, ngành; đơn vị sự nghiệp thuộc Thành phố và UBND các xã, phường.

a) Tổ chức triển khai thực hiện nền hành chính số và công vụ số trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao; chịu trách nhiệm toàn diện trước Ủy ban nhân dân Thành phố về kết quả triển khai.

b) Xây dựng, quản lý và bảo đảm chất lượng dữ liệu chuyên ngành; kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin của Thành phố theo quy định.

c) Sử dụng thống nhất các nền tảng số dùng chung của Thành phố; không triển khai hệ thống thông tin trùng lặp chức năng khi chưa được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

d) Khai thác hiệu quả các hệ thống thông tin, nền tảng số dùng chung trong quản lý, điều hành, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công và phục vụ người dân, doanh nghiệp.

đ) Người đứng đầu sử dụng các hệ thống số dùng chung trong chỉ đạo, điều hành; gắn kết quả triển khai nền hành chính số và công vụ số với đánh giá thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị.

e) Kết nối các hệ thống thông tin với hạ tầng số và nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Thành phố; bảo đảm an toàn, ổn định, liên tục trong vận hành hạ tầng số thuộc phạm vi quản lý.

6. Kiểm tra, giám sát và xử lý trách nhiệm

a) Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất việc triển khai Quy định này; việc kiểm tra được thực hiện chủ yếu thông qua

dữ liệu và nhật ký từ các hệ thống thông tin, hạn chế kiểm tra thủ công.

b) Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố và các cơ quan liên quan tổng hợp kết quả triển khai nền hành chính số và công vụ số. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp tổng hợp kết quả đánh giá đối với các nội dung về hạ tầng số, nền tảng số, dữ liệu số, hệ thống thông tin và ứng dụng công nghệ số thuộc phạm vi quản lý.

c) Kết quả triển khai của cơ quan, đơn vị và cá nhân, xác định trên cơ sở dữ liệu từ hệ thống thông tin, là căn cứ quan trọng trong đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, xếp loại thi đua, khen thưởng và xem xét trách nhiệm theo quy định.

d) Cơ quan, đơn vị, cá nhân vi phạm các quy định tại Quy định này tùy theo tính chất, mức độ sẽ bị xem xét, xử lý trách nhiệm theo quy định của pháp luật. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm trực tiếp nêu đề xảy ra tình trạng không triển khai, triển khai hình thức hoặc không hiệu quả các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý.

Điều 15. Điều khoản áp dụng và tổ chức thực hiện

1. Trường hợp có quy định khác nhau giữa Quy định này và quy định pháp luật khác về nền hành chính số, công vụ số thì thực hiện theo Điều 5 Luật Thủ đô năm 2026.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc nội dung cần sửa đổi, bổ sung, các cơ quan, đơn vị gửi ý kiến về Sở Nội vụ để tổng hợp, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị liên quan báo cáo UBND Thành phố xem xét, quyết định.

3. Các cơ quan, đơn vị căn cứ Quy định này và chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch, quy chế nội bộ triển khai nền hành chính số và công vụ số./.